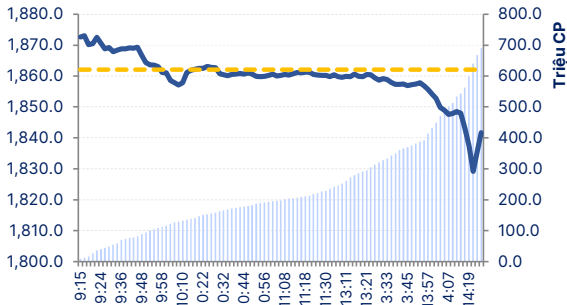


Phiên giao dịch ngày:

6/7/2026

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,843.50	296.51
% Thay đổi Index	↓ -1.00%	↓ -3.60%
KLGD (CP)	801,555,278	69,516,522
GTGD (tỷ đồng)	22,497.65	1,307.05
% Thay đổi GTGD	43.40%	-19.57%

Diễn biến VN-INDEX



Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

FPT	100.39 tỷ
HPG	-62.20 tỷ
VND	59.35 tỷ
VNM	53.87 tỷ
STB	-50.18 tỷ
BID	-46.63 tỷ
VIC	-2252.98 tỷ

GT Bán: -4311.74

1517.63 : GT Mua

Biến động nhóm ngành

Tiện ích Cộng đồng	-1.34%
Tài chính	-0.43%
Nguyên vật liệu	-1.90%
Ngân hàng	-1.01%
Hàng Tiêu dùng	-1.04%
Dược phẩm và Y tế	-0.26%
Dịch vụ Tiêu dùng	-1.64%
Dầu khí	45%
Công nghiệp	-2.39%
Công nghệ Thông tin	0.79%

Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau tuần chuyển giao quý II và quý III/2026 giảm điểm. Thị trường có phiên giao dịch đầu tuần kém tích cực. VNINDEX đầu phiên tăng điểm hướng đến vùng giá quanh 1.875 điểm với thanh khoản suy giảm. Sau đó áp lực bán gia tăng mạnh dần ở nhiều nhóm mã, và gia tăng mạnh hơn trong cuối phiên chiều với thanh khoản tăng mạnh kém tích cực. VNINDEX giảm về quanh 1.830 điểm và phục hồi nhẹ trở lại. Kết phiên VNINDEX giảm 18,58 điểm (-1,10%) về mức 1.843,50 điểm, dưới kháng cự quanh 1.850 điểm. VN30 giảm 11,45 điểm (-0,57%) về mức 1.991,11 điểm, dưới kháng cự tâm lý 2.000 điểm.

Độ rộng trên HOSE tiêu cực, áp lực bán khá đột biến trên diện rộng với 261 mã giảm giá. Giảm mạnh ở các mã nhóm bán lẻ, xây lắp điện, khu công nghiệp, cao su, năng lượng, hóa chất, bất động sản, ngân hàng... với thanh khoản gia tăng giá đột biến. Chỉ số số ít mã tích cực với 56 mã tăng giá và 48 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường tăng, khối lượng giao dịch tăng mạnh 32,4% so với phiên trước. Thể hiện áp lực bán gia tăng mạnh ở nhiều nhóm mã khi xu hướng ngắn hạn trở nên kém tích cực, tâm lý nhà đầu tư suy yếu, bi quan hơn. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với giá trị -2.794 tỷ đồng trong phiên hôm nay.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G7000 kết phiên ở mức 1.995,0 điểm, giảm -0,70% so với phiên trước. Chênh lệch dương 3,89 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411G8000, 411G9000, 411GC000 chênh lệch trái chiều từ 4,79 điểm đến -5,01 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm -3,1% so với phiên trước. Các trader giảm vị thế đầu cơ trong phiên, nghiêng về VN30 phục hồi nhẹ sau phiên giảm mạnh. Vẫn ưu tiên xem xét phòng ngừa rủi ro khi VN30 gặp các vùng kháng cự. Xu hướng ngắn hạn 411G7000 tích lũy, vùng kháng cự quanh 2.000 điểm, hỗ trợ 1.980 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G7000 là 27.331, giảm các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX tích lũy kém tích cực hơn dưới đường xu hướng giảm giá nổi 02 đỉnh tháng 5/2026_1930+- và đỉnh tháng 6/2026_1900+-. Vùng hỗ trợ của VNINDEX quanh 1.830 điểm, tương ứng vùng giá trung bình 20 phiên gần nhất. Chỉ số VNINDEX tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn từ các cổ phiếu Vin Group. Các cổ phiếu này cũng đang tích lũy, chịu áp lực bán ở vùng đỉnh cũ. Cần có động lực tăng trưởng vượt trội mới có thể kỳ vọng vượt qua được vùng đỉnh cũ tháng 5/2026.

Mặc dù chỉ số VNINDEX vẫn biến động hẹp. Tuy nhiên diễn biến thị trường trở nên tiêu cực hơn khi nhiều cổ phiếu chịu áp lực bán mạnh bất ngờ với khối lượng giao dịch rất đột biến. Áp lực dùng lỗ các vị thế ngắn hạn gia tăng khi tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn trở nên bi quan hơn. Ngắn hạn chỉ số VNINDEX có thể phục hồi lên lại vùng giá 1.850 điểm trong phiên đến. Xu hướng ngắn hạn VNINDEX chỉ cải thiện khi vượt lên đường xu hướng giảm giá. Trường hợp kém tích cực VNINDEX có thể tiếp tục điều chỉnh về vùng giá 1.800 điểm nếu không giữ được hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.830 điểm.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã CK	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PAN	22.30	24.0	27-28	23.0	4.9	-8.6%	443.5%	Theo dõi GD	67	30
PVD	31.55	32.0	35-36	30.0	14.8	126.3%	100.3%	Theo dõi GD	61	51
TTA	11.30	11.0	12.5-13	10.0	8.1	15.7%	39.6%	Theo dõi GD	73	63
POW	14.80	14.0	17-17.5	13.5	13.2	51.3%	169.5%	Theo dõi GD	61	77
TCB	33.75	33.0	36.5-37.5	31.0	9.2	36.9%	12.2%	Theo dõi GD	83	64
SCS	49.05	47.0	61-63	46.0	6.6	2.1%	2.0%	Theo dõi GD	97	8
BVS	32.50	30.0	32-34	29.0	11.5	58.2%	-49.1%	Theo dõi GD	68	60

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

Xu Hướng	Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn		Tang Truong	Điều Chỉnh	Tích Luy	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh	Tang Truong	Suy Giảm	Tích Luy
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn		Duong_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		-404.5	117.0	301.8	-310.1	263.5	310.6	179.4	293.9
Tương quan- VNINDEX		Yếu hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		VIC	GMD	TRC	PSI	VTK	POW	PTG	PHR
		VHM	PHP	PHR	WSS	FOX	PVD	TET	LHG

Xu Hướng	Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn		Tang Truong	Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong
Dòng tiền trung hạn		Tích Luy	Am_Tang	Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam	Money_in	Am_Tang	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		301.8	59.8	272.4	105.0	117.6	-256.2	258.4	-324.0
Tương quan- VNINDEX		Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		PRE	PET	TVN	SEA	VLB	ABB	NFC	AST
		BVH	PSD	POM	VHC	BMP	OCB	SFG	SAS

Xu Hướng	Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn		Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tang Truong	Tang Truong	39
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Điều Chỉnh	Phục Hồi	Tích Luy	Tích Luy	Điều Chỉnh	Tang Truong	17
Dòng tiền trung hạn		Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam	Am_Giam	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Tang	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		256.7	127.4	344.4	-162.3	-269.0	83.0	-130.3	22
Tương quan- VNINDEX		Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	58	Yếu hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Mạnh hơn	
Cổ phiếu TOP		POW	SBT	DBT					
		TTA	ACL	DP2					

Bộ trưởng Tài chính: Kinh tế-xã hội duy trì đà tăng trưởng tích cực trên hầu hết các lĩnh vực

Phát biểu tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với các địa phương diễn ra sáng 4/7, Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn cho biết kinh tế-xã hội nước ta quý 2 và 6 tháng đạt nhiều kết quả quan trọng; tiếp tục đà tăng trưởng trên hầu hết các lĩnh vực và là điểm sáng của khu vực cũng như thế giới.

GDP quý 2 ước tăng 8,39% so với cùng kỳ, 6 tháng ước đạt 8,18%, trong đó khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ đóng góp trên 88% vào tăng trưởng. Trong đó, 9 địa phương tăng trưởng 2 con số; Hà Nội và TPHCM tăng trưởng tích cực hơn so với thời điểm tháng 5. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường đạt 169.800 doanh nghiệp, tăng 11,2%, cao hơn số rút lui khỏi thị trường. Nhìn chung, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, an ninh năng lượng được bảo đảm. Chỉ số CPI tháng 6 giảm 0,39% so với tháng trước; bình quân 6 tháng tăng 4,38% so với cùng kỳ, trong phạm vi mục tiêu cả năm.

Ngày 22/06, I hù trưởng Bộ Công I hương Nguyễn Sinh Nhật I ân dân đầu đoàn đàm phán Việt Nam tham dự Hội nghị Bộ trưởng các nước EFTA để trao đổi về những vấn đề cuối cùng còn tồn đọng. Đến ngày 02/07, hai bên ra Tuyên bố chung về việc kết thúc đàm phán hiệp định.

Việt Nam hoàn tất đàm phán FTA với 4 nước châu Âu

Việt Nam và Hiệp hội Thương mại Tự do châu Âu (EFTA) đã chính thức kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EFTA, theo thông tin từ Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương. EFTA gồm 4 nước là Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein. Đây đều là những nền kinh tế có thể mạnh về công nghệ, tài chính, năng lượng sạch, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Hai bên đã trải qua 21 phiên đàm phán chính thức. Riêng từ khi tiến trình được khởi động lại ngày 08/09/2025 tại Geneva, Việt Nam và EFTA đã có thêm 5 phiên đàm phán. Phiên gần nhất diễn ra tại Iceland từ ngày 17-22/06.

Hoạt động mua bán-sáp nhập lĩnh vực năng lượng Việt Nam đã phục hồi trong năm 2025 với 29 giao dịch, đạt giá trị 747 triệu USD và dự báo năm 2026 tiếp tục đà tăng ở phân khúc giá trị tầm trung.

Mua bán sáp nhập trong lĩnh vực năng lượng ở Việt Nam tăng tốc

Theo báo cáo M&A mới nhất của Công ty Grant Thornton Việt Nam (Công ty kiểm toán độc lập duy nhất được định giá các doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam), trong tháng 4/2026, thị trường M&A Việt Nam ghi nhận tổng cộng 18 giao dịch được công bố; trong đó, chỉ có 11 thương vụ có giá trị giao dịch được công bố hoặc có thể ước tính, với tổng quy mô đạt khoảng 69,9 triệu USD. Đáng chú ý, dòng vốn tiếp tục tập trung mạnh vào lĩnh vực năng lượng và hạ tầng cốt lõi. Cũng theo Grant Thornton Việt Nam, hoạt động mua bán-sáp nhập (M&A) lĩnh vực năng lượng Việt Nam đã phục hồi trong năm 2025 với 29 giao dịch, đạt giá trị 747 triệu USD, tăng mạnh so với mức 20 triệu USD của năm 2024 và dự báo năm 2026 tiếp tục đà tăng ở phân khúc giá trị tầm trung.

Tuần 29/06-03/07: NHNN tiếp tục bơm ròng hơn 9.500 tỷ

Trong tuần đầu của tháng 7 (29/06-03/07), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục bơm ròng 9.548 tỷ đồng. NHNN bơm mới 69.078 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn từ 7-56 ngày và lãi suất 4,5%/năm. Trong khi đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá đạt 59.530 tỷ đồng. Qua đó, nhà điều hành bơm ròng 9.548 tỷ đồng trong tuần, kéo lượng OMO lưu hành trong hệ thống còn khoảng 204.121 tỷ đồng.

Cập nhật đến ngày 02/07, lãi suất kỳ hạn qua đêm tăng lên 6,62%/năm; kỳ hạn 1 tuần tăng là 6,92%/năm; kỳ hạn 2 tuần là 7,07%/năm; kỳ hạn 1 tháng là 7,88%/năm; kỳ hạn 3 tháng là 7,7%/năm; kỳ hạn 6 tháng là 8,62%/năm; kỳ hạn 9 tháng là 9,26%/năm.

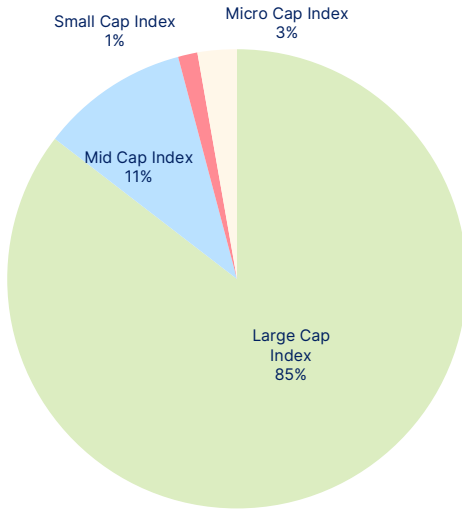
Tại cuộc họp trực tuyến, liên minh các nước sản xuất dầu đã thống nhất nâng hạn ngạch thêm 188,000 thùng/ngày từ tháng 8, nối tiếp các đợt tăng có quy mô tương tự đã được thực hiện trong tháng 6 và tháng 7.

OPEC+ lại tăng sản lượng

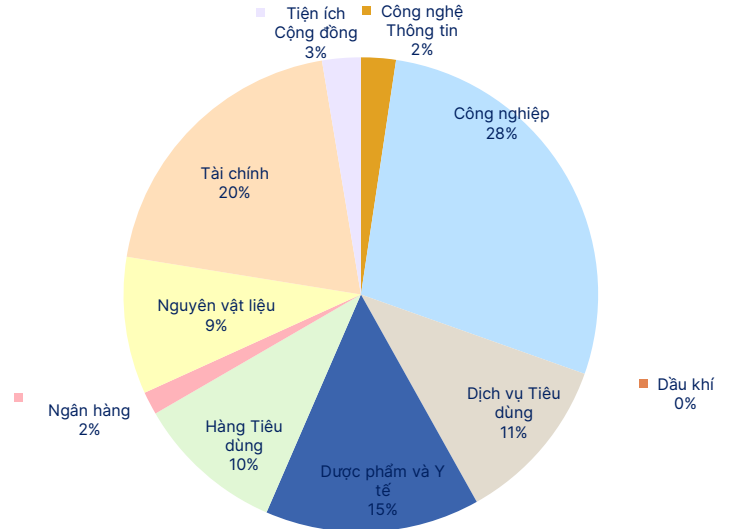
Bảy thành viên nòng cốt của OPEC+, liên minh gồm OPEC và các nước sản xuất đồng minh như Nga, đã nâng tổng hạn ngạch khai thác gần 800,000 thùng/ngày trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 7. Theo số liệu của OPEC, sản lượng của OPEC+ giảm xuống còn 33.13 triệu thùng/ngày trong tháng 5, so với 42.77 triệu thùng/ngày vào tháng 2. Sản lượng bắt đầu phục hồi trong tháng 6 nhờ các nỗ lực của Mỹ nhằm hỗ trợ UAE và một số quốc gia OPEC+ khác tăng xuất khẩu dầu. Tuy nhiên, sản lượng hiện vẫn thấp hơn mức trước khi xung đột nổ ra.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,697,639	7.4%	1,468	150.1	11.2
VHM	622,684	17.8%	10,200	14.9	2.5
VCB	518,052	16.1%	4,301	14.4	2.2
BID	307,583	17.8%	4,393	9.6	1.6
CTG	265,241	21.7%	4,906	7.0	1.4

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	79,384,885	18.1%	2,597	5.3	0.9
VIX	54,202,916	25.6%	3,009	5.7	1.3
GEX	28,465,382	5.5%	1,130	27.0	0.9
HDB	26,079,241	23.2%	3,545	7.6	1.6
NVL	25,743,585	3.3%	815	15.1	0.5

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
STG	↑ 6.9%	11.5%	2,988	9.9	1.1
HPX	↑ 6.9%	3.4%	399	10.6	0.4
SVC	↑ 6.6%	17.2%	4,802	4.1	0.6
PNC	↑ 6.4%	1.1%	189	156.6	1.8
CTF	↑ 5.5%	0.8%	95	173.2	1.5

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	↓ -7.0%	9.8%	1,893	10.6	0.9
PNJ	↓ -7.0%	23.1%	5,554	10.6	1.5
TNC	↓ -7.0%	14.3%	2,558	12.6	1.8
L10	↓ -7.0%	12.9%	3,848	6.0	0.8
CLW	↓ -6.9%	21.8%	4,372	13.5	2.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	3,253,500	10.6%	1,435	12.8	1.3
FPT	1,372,351	23.6%	5,515	13.1	2.8
VPB	1,359,579	15.5%	3,314	8.4	1.2
VNM	979,080	26.6%	4,505	12.2	3.3
HDB	683,191	23.2%	3,545	7.6	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	(10,227,866)	7.4%	1,468	150.1	11.2
SHB	(7,082,500)	18.1%	2,597	5.3	0.9
HPG	(2,671,391)	12.6%	1,830	12.7	1.4
SSI	(2,441,627)	13.8%	2,152	12.7	1.7
VIB	(2,158,636)	16.4%	2,231	7.4	1.1

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích

Ngô Thế Hiển

Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn